

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		767.639.129.146	679.614.401.465
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	103.697.565.833	122.472.958.201
1. Tiền	111		50.697.565.833	66.972.958.201
2. Các khoản tương đương tiền	112		53.000.000.000	55.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.772.175.566	54.827.960.386
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	55.778.379.433	42.397.377.848
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	473.748.000	1.415.520.925
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	10.520.048.133	11.015.061.613
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		573.917.640.748	473.806.515.476
1. Hàng tồn kho	141	V.5	573.917.640.748	473.806.515.476
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.251.746.999	28.506.967.402
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	453.150.008	138.364.999
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.437.237.110	15.541.363.719
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	12.331.359.881	12.802.198.684
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	30.000.000	25.040.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		263.247.924.883	264.560.202.343
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		260.918.580.915	261.632.037.918
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	217.495.228.587	226.750.014.640
<i>Nguyên giá</i>	222		436.102.395.546	419.119.731.797
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(218.607.166.959)	(192.369.717.157)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	26.427.525.203	18.361.835.983
<i>Nguyên giá</i>	228		33.490.882.138	24.145.860.138
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.063.356.935)	(5.784.024.155)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	16.995.827.125	16.520.187.295
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.248.000.000	1.728.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	1.824.000.000	1.824.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.13	(576.000.000)	(96.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.081.343.968	1.200.164.425
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	1.081.343.968	1.200.164.425
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.030.887.054.029	944.174.603.808

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		678.792.951.002	574.466.502.262
I. Nợ ngắn hạn	310		645.669.833.641	520.277.754.197
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	272.831.857.473	169.852.335.215
2. Phải trả người bán	312	V.16	318.835.838.399	285.816.606.461
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	1.582.745.337	6.098.385.465
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	15.771.360.283	17.822.506.678
5. Phải trả người lao động	315	V.19	14.126.028.846	15.317.836.371
6. Chi phí phải trả	316	V.20	3.041.801.646	581.063.632
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	14.850.335.734	19.704.250.179
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	4.629.865.923	5.084.770.196
II. Nợ dài hạn	330		33.123.117.361	54.188.748.065
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	32.958.217.648	54.007.817.648
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	164.899.713	180.930.417
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		352.094.103.027	369.708.101.546
I. Vốn chủ sở hữu	410		352.094.103.027	369.708.101.546
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	189.802.000.000	189.802.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	101.215.200.153	98.704.076.433
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	8.102.230.959	8.102.230.959
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.25	7.110.473.869	5.854.912.009
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	45.864.198.046	67.244.882.145
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.030.887.054.029	944.174.603.808

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		1.657.147.000	4.753.740.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1.002.028,37	1.133.918,70
Euro (EUR)		1,22	1,22
...			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu

Nguyễn Phương Thảo

Kế toán trưởng

Vũ Đức Thịnh



Tổng giám đốc

Hà Bình Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, P. 15, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 31.12.2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2011

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.079.062.828.209	1.105.693.176.157	4.442.782.680.548	3.260.828.137.696
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	3.859.099.815	65.365.233	10.443.255.402	3.772.056.329
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.075.203.728.394	1.105.627.810.924	4.432.339.425.146	3.257.056.081.367
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	986.214.837.764	958.757.913.177	4.099.689.843.520	2.872.031.223.707
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		88.988.890.630	146.869.897.747	332.649.581.626	385.024.857.660
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	400.665.831	876.774.970	4.492.772.557	3.504.827.254
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	14.738.053.994	12.901.747.217	53.486.856.134	30.619.695.964
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.259.589.110	5.402.782.802	41.901.734.801	18.298.564.407
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	47.248.932.608	51.315.883.581	204.263.497.259	207.216.783.704
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	14.309.454.456	27.964.023.010	52.614.754.044	48.830.153.729
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.093.115.403	55.565.018.909	26.777.246.746	101.863.051.517
11. Thu nhập khác	31	VI.7	410.117.278	2.211.652.976	1.855.152.992	2.319.770.181
12. Chi phí khác	32		39.864.432	-	60.621.462	-
13. Lợi nhuận khác	40		370.252.846	2.211.652.976	1.794.531.530	2.319.770.181
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.9	13.463.368.249	57.776.671.885	28.571.778.276	104.182.821.698
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	2.777.624.416	9.071.628.041	3.341.720.617	16.433.003.267
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	118.820.457	86.125.380	118.820.457	86.125.380
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.11	10.566.923.376	48.618.918.464	25.111.237.202	87.663.693.051
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	557	2.562	1.323	4.619

Người lập biểu



Nguyễn Phương Thảo

Kế toán trưởng



Vũ Đức Thịnh



TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Tổng giám đốc



Hà Bình Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28.571.778.276	104.182.821.698
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V. 9,10	28.655.207.623	28.068.929.561
- Các khoản dự phòng	03	VI. 4	480.000.000	(115.200.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		206.732.372	459.751.424
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.935.885.589)	(3.244.520.020)
- Chi phí lãi vay	06	VI. 4	41.901.734.801	18.298.564.407
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		97.879.567.483	147.650.347.070
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.385.345.879)	(39.714.648.195)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(100.111.125.272)	(273.763.622.687)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		24.882.073.851	108.712.074.210
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(314.785.009)	24.915.001
- Tiền lãi vay đã trả	13		(41.513.419.288)	(18.069.663.595)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(2.870.881.814)	(1.719.649.894)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.22	1.300.000	207.287.200
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5.226.873.631)	(1.608.033.538)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(33.659.489.559)	(78.280.994.428)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 11	(27.972.767.226)	(25.615.517.252)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	493.727.272	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	60.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.490.144.671	3.302.818.464
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(25.988.895.283)	(22.252.698.788)

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15	2.329.759.991.939	793.492.887.423
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15	(2.250.734.364.093)	(679.910.552.208)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.25	(37.945.903.000)	(26.563.642.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		41.079.724.846	87.018.693.215
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(18.568.659.996)	(13.515.000.001)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	122.472.958.201	136.447.709.626
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(206.732.372)	(459.751.424)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	103.697.565.833	122.472.958.201

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2012

Nguyễn Phương Thảo
Người lập

Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa; Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói; Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng...

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
2. **Tiền và tương đương tiền**

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào đánh giá cụ thể về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 7

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 10 năm.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại KCN Phú Mỹ I (Bà Rịa – Vũng Tàu) được khấu hao theo thời gian còn lại tính từ khi dự án đi vào hoạt động.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ : 5% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ đầu tư phát triển : 10% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 5% lợi nhuận sau thuế

12. **Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là khoản nợ phải trả trong kỳ theo mức cổ tức được công bố.

13. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. **Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
31/12/2011 : 20.828 VND/USD

15. **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua,

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.607.942.239	923.808.401
Tiền gửi ngân hàng	49.089.623.594	66.049.149.800
Các khoản tương đương tiền	53.000.000.000	55.500.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>	<i>53.000.000.000</i>	
Cộng	103.697.565.833	122.472.958.201

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex)	-	-
Phải thu các khách hàng khác	55.778.379.433	42.397.377.848
Cộng	55.778.379.433	42.397.377.848

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng trước cho hoạt động sản xuất kinh doanh	473.748.000	1.415.520.925
Cộng	473.748.000	1.415.520.925

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	16.666.667	27.802.778
Trị giá vật liệu hỏng chờ giải quyết	635.312.678	667.775.047
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	9.868.068.788	10.312.388.048
Các khoản phải thu khác	-	7.095.740
Cộng	10.520.048.133	11.015.061.613

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	344.163.455.201	199.821.397.268
Công cụ, dụng cụ	370.181.663	300.320.627
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	55.424.871.107	98.009.781.062
Thành phẩm	172.493.095.243	171.312.281.508
Hàng hóa	1.466.037.534	4.362.735.011
Cộng	573.917.640.748	473.806.515.476

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	453.150.008	138.364.999

7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế TNDN tạm nộp	12.331.359.881	12.802.198.684
Cộng	12.331.359.881	12.802.198.684

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	30.000.000	25.040.000
Cộng	30.000.000	25.040.000

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	144.429.374.769	266.114.199.862	5.856.986.435	2.719.170.731	419.119.731.797
Mua sắm mới		770.200.000	1.041.549.000	12.500.000	1.824.249.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	10.252.897.081	6.083.807.141			16.336.704.222
Thanh lý, nhượng bán	367.607.239	810.682.234			1.178.289.473
Số cuối năm	154.314.664.611	272.157.524.769	6.898.535.435	2.731.670.731	436.102.395.546
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	19.723.951.246	84.995.067.255	982.517.426	195.458.147	105.896.994.074

Giá trị hao mòn

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	45.369.705.732	140.975.217.291	3.469.925.480	2.554.868.654	192.369.717.157
Khấu hao trong năm	9.889.982.053	16.704.818.649	689.514.782	91.559.359	27.375.874.843
Thanh lý, nhượng bán	367.607.239	770.817.802			1.138.425.041
Số cuối năm	54.892.080.546	156.909.218.138	4.159.440.262	2.646.428.013	218.607.166.959
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	99.059.669.037	125.138.982.571	2.387.060.955	164.302.077	226.750.014.640
Số cuối năm	99.422.584.065	115.248.306.631	2.739.095.173	85.242.718	217.495.228.587
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	23.625.860.138	520.000.000	24.145.860.138
Tăng trong năm	9.345.022.000	-	9.345.022.000
Giảm trong năm		-	-
Số cuối năm	32.970.882.138	520.000.000	33.490.882.138
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	520.000.000	520.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.264.024.155	520.000.000	5.784.024.155
Khấu hao trong năm	1.279.332.780	-	1.279.332.780
Số cuối năm	6.543.356.935	520.000.000	7.063.356.935
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	18.361.835.983	-	18.361.835.983
Số cuối năm	26.427.525.203	-	26.427.525.203
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất tại Nhà máy dầu Phú Mỹ có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 19.298.957.807 VND và 15.738.955.889 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.23).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án nhà máy dầu Phú Mỹ	-	-
Dự án đầu tư dây chuyền 5.000 chai/h	11.276.393.489	9.975.465.094

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự án di dời xây lắp nhà xưởng 60 T	3.629.506.524	3.611.324.706
Các công trình khác	2.089.927.112	2.933.397.495
Cộng	16.995.827.125	16.520.187.295

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật	192.000	1.824.000.000	192.000	1.824.000.000
Đầu tư trái phiếu Chính phủ, đáo hạn tháng 9 năm 2010, lãi suất 8,6%/năm	-	-	-	-
Cộng		1.824.000.000		1.824.000.000

13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích lập dự phòng	576.000.000	96.000.000

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ năm trước. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	1.081.343.968	1.200.164.425

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngân hàng	251.155.057.473	147.548.335.215
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	135.980.824.477	99.979.176.885
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	115.174.232.996	47.569.158.330
Vay dài hạn đến hạn trả	21.676.800.000	22.304.000.000
Cộng	272.831.857.473	169.852.335.215

⁽ⁱ⁾ Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 11313001/HĐTDHM ngày 5 tháng 1 năm 2011 để bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua nguyên vật liệu. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 220.000.000.000 VND
- Thời gian vay : không vượt quá 6 tháng cho mỗi lần nhận nợ vay
- Lãi suất vay : bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh + biên độ 3%/năm, nhưng không được thấp hơn sàn lãi suất cho vay VND theo phương thức cho vay thỏa thuận của Ngân hàng trong từng thời kỳ
- Tài sản đảm bảo : Tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (iii) Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00310/2011/0000761 ngày 28 tháng 07 năm 2011 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 200.000.000.000 VND
- Thời gian vay : 1 năm
- Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp dây chuyền tinh luyện dầu thực vật 150 tấn/ngày và dây chuyền thiết bị chiết dầu chai nhựa tự động cho chai 05 lít, 1 lít, 0.4 lít, 0.2 lít.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số dư đầu năm	147.548.335.215	22.304.000.000	169.852.335.215
Số tiền vay phát sinh trong năm	2.329.759.991.939	-	2.329.759.991.939
Kết chuyển từ vay dài hạn đến hạn trả	-	21.049.600.000	21.049.600.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(2.229.057.564.093)	(21.676.800.000)	(2.250.734.364.093)
Chênh lệch tỷ giá nợ vay	2.904.294.412	-	2.904.294.412
Số dư cuối năm	251.155.057.473	21.676.800.000	272.831.857.473

16. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam	249.584.016.938	257.089.407.926
Các nhà cung cấp khác	69.251.821.461	28.727.198.535
Cộng	318.835.838.399	285.816.606.461

17. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng về tiền mua sản phẩm	1.582.745.337	6.098.385.465

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nội địa	2.679.558.469	11.623.890.917	(13.479.486.222)	823.963.164
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	10.312.388.048	115.573.528.231	(116.017.847.491)	9.868.068.788
Thuế xuất, nhập khẩu	4.390.571.889	48.245.365.144	(48.114.311.217)	4.521.625.816
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.802.198.684)	3.341.720.617	(2.870.881.814)	(12.331.359.881)
Thuế thu nhập cá nhân	439.838.272	3.285.319.287	(3.167.605.044)	557.552.515
Tiền thuê đất	-	499.761.250	(499.761.250)	-
Thuế tài nguyên	150.000	1.850.000	(1.850.000)	150.000
Thuế khác	-	8.000.000	(8.000.000)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Cộng	5.020.307.994	182.579.435.446	(184.159.743.038)	3.440.000.402

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày trên chỉ tiêu “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước (xem thuyết minh số V.7).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Liên quan đến dự án Nhà máy dầu Phú Mỹ, Công ty được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại với thời gian miễn là 3 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo tính từ năm 2008.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ lương còn phải trả cho người lao động.	14.126.028.846	15.317.836.371

20. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí lãi vay	849.727.981	461.412.468
Chi phí trích trước khác	2.192.073.665	119.651.164
Cộng	3.041.801.646	581.063.632

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân tạm thu	1.434.798.351	-
Kinh phí công đoàn	1.018.082.420	620.226.640
Cổ tức phải trả	84.050.000	69.553.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	234.000.000	5.987.959.796
Các khoản phải trả khác	12.079.404.963	13.026.510.743
<i>Trong đó, chi phí bán hàng, quảng cáo phải trả</i>	<i>12.057.374.285</i>	<i>12.990.790.064</i>
Cộng	14.850.335.734	19.704.250.179

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	2.997.662.143	2.005.890.481	1.000.000	(2.708.038.000)	2.296.514.624

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ phúc lợi	2.087.108.053	1.002.945.240	300.000	(757.001.994)	2.333.351.299
Cộng	<u>5.084.770.196</u>	<u>3.008.835.721</u>	<u>1.300.000</u>	<u>(3.465.039.994)</u>	<u>4.629.865.923</u>

23. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Sở giao dịch II theo Hợp đồng vay số 06.781000/HĐTD ngày 14 tháng 4 năm 2006 với lãi suất vay bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Công thương + 2%/năm	-	-
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay số 01/2005/93451/HĐ ngày 24 tháng 10 năm 2005 với lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 24 tháng + cộng 2%/năm. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc thiết bị của dự án Nhà máy dầu Phú Mỹ (xem thuyết minh số V.8 và V.9)	29.855.817.648	49.759.817.648
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay số 310/2010/0000925 ngày 19 tháng 7 năm 2010 với lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3.4%/năm. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay là một dây chuyền chiết dầu chai tự động, công suất 5.000 chai/giờ	3.102.400.000	4.248.000.000
Cộng	<u>32.958.217.648</u>	<u>54.007.817.648</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	54.007.817.648			32.958.217.648
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	54.007.817.648		(21.049.600.000)	32.958.217.648
Cộng	<u>54.007.817.648</u>	<u>0</u>	<u>(21.049.600.000)</u>	<u>32.958.217.648</u>

24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	164.899.713	180.930.417

25. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục.

Cổ tức

Cổ tức đã thực chi trong năm cho cổ đông là 37.945.903.000 VND.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.980.200	18.980.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.980.200	18.980.200
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.980.200	18.980.200
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.980.200	18.980.200
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.980.200	18.980.200
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.079.062.828.209	1.105.693.176.157
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	4.094.781.948	4.827.314.257
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	1.074.968.046.261	1.100.865.861.900
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(3.859.099.815)	(65.365.233)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(3.859.099.815)	(6.288.926)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	(59.076.307)
Doanh thu thuần	1.075.203.728.394	1.105.627.810.924
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	4.094.781.948	4.825.488.127
<i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	1.071.108.946.446	1.100.802.322.797

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	4.707.039.216	5.027.206.627
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	981.507.798.548	953.730.706.550
Cộng	986.214.837.764	958.757.913.177

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	400.665.831	813.680.570
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	63.094.400

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cộng	400.665.831	876.774.970
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	10.259.589.110	6.360.660.462
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.156.532.512	5.985.335.331
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	206.732.372	459.751.424
Dự phòng giảm giá chứng khoán	115.200.000	96.000.000
Cộng	14.738.053.994	12.901.747.217
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	(521.159.276)	5.297.312.479
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	304.484.447	329.807.016
Chi phí khấu hao tài sản cố định	141.254.566	23.910.109
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.828.990.516	2.791.028.844
Chi phí khác	34.495.362.355	32.873.825.136
Cộng	47.248.932.608	51.315.883.584
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.148.504.606	5.792.962.341
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	193.606.861	404.299.125
Chi phí khấu hao tài sản cố định	200.973.962	199.680.299
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.761.368.567	9.725.090.429
Chi phí khác	4.005.000.460	1.841.990.816
Cộng	14.309.454.456	27.964.023.010
7. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền hoàn thuế nhập khẩu	-	384.158.669
Thu tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	-	1.722.223.039
Thu bồi thường hợp đồng	241.010.419	16.801.509
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	147.235.651	-
Thu nhập khác	21.871.208	88.469.759
Cộng	410.117.278	2.211.652.976
8. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý TSCĐ	39.864.432	-
Cộng	39.864.432	0
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.777.624.416	9.071.628.041
Cộng	2.777.624.416	9.071.628.041

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(Xem thuyết minh V.18)

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	118.820.457	86.125.380
Cộng	118.820.457	86.125.380

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại năm trước được dự tính dựa trên chế độ ưu đãi miễn thuế TNDN và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại năm nay được dự tính dựa trên chế độ giảm 50% thuế TNDN đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng tại NMD Phú Mỹ theo mức thuế suất 25%.

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.566.923.376	48.618.918.464
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.566.923.376	48.618.918.464
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.980.200	18.980.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	557	2.562

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.376.586.082.471	1.572.153.525.217
Chi phí nhân công	19.283.067.577	26.782.246.162
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.332.646.077	7.545.139.069
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.714.988.003	45.122.657.153
Chi phí khác	40.861.058.942	39.236.514.244
Cộng	1.474.777.843.070	1.690.840.081.845

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật	Công ty liên kết của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam

Trong năm Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam		
Bán thành phẩm	0	0
Mua nguyên liệu	(652.670.053.750)	(840.276.197.316)
Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật		
Mua nguyên liệu, bao bì, gia công	(1.344.149.395)	(3.419.613.914)

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam		
Bán thành phẩm	-	-
Cộng nợ phải thu	-	-
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam		
Mua nguyên liệu	249.584.016.938	257.089.407.926
Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật		
Gia công, mua nguyên liệu và bao bì	270.750.920	844.794.236
Cộng nợ phải trả	249.854.767.858	257.934.202.162

Tất cả các giao dịch với Công ty mẹ là bên liên quan đều được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế và có phê duyệt của các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thuê hoạt động

Công ty thuê một số văn phòng, nhà kho và thuê kệ dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2011 đến năm 2013 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.


Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu


Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng


Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2012



CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ich, P. 15, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	189.802.000.000	67.878.225.888	8.102.230.959	1.471.727.356	23.686.207.705	290.940.391.908
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	87.663.693.051	87.663.693.051
Trích lập các quỹ năm trước	-	8.766.369.305	-	4.383.184.653	(17.532.738.611)	(4.383.184.653)
Bổ sung từ thuế TNDN được giảm năm trước	-	22.059.481.240	-	-	-	22.059.481.240
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(26.572.280.000)	(26.572.280.000)
Số dư cuối năm trước	189.802.000.000	98.704.076.433	8.102.230.959	5.854.912.009	67.244.882.145	369.708.101.546
Số dư đầu năm nay	189.802.000.000	98.704.076.433	8.102.230.959	5.854.912.009	67.244.882.145	369.708.101.546
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	25.111.237.202	25.111.237.202
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	2.511.123.720	-	1.255.561.860	(5.022.247.440)	(1.255.561.860)
Trích bổ sung quỹ KT& PL 2010	-	-	-	-	(1.753.273.861)	(1.753.273.861)
Chi thường quản lý, điều hành 2010	-	-	-	-	(1.756.000.000)	(1.756.000.000)
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	(37.960.400.000)	(37.960.400.000)
Số dư cuối năm nay	189.802.000.000	101.215.200.153	8.102.230.959	7.110.473.869	45.864.198.046	352.094.103.027

Người lập

Nguyễn Phương Thảo

Nguyễn Phương Thảo

Kế toán trưởng

Vũ Đức Thịnh

Vũ Đức Thịnh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám đốc

Hà Bình Sơn

Hà Bình Sơn